

**KẾT QUẢ VÒNG THI SƠ LOẠI**  
**OMLYPIC "CHINH PHỤC IELTS" NĂM HỌC 2022-2023**

*(Kèm theo Thông báo số /TB-SGDDT ngày /3/2023 của Sở GDĐT)*

| <b>TT</b> | <b>Họ và tên</b>        | <b>Lớp</b> | <b>Trường THPT</b>   | <b>Điểm</b> |
|-----------|-------------------------|------------|----------------------|-------------|
| 1         | Đào Khánh Ly            | 10N        | Nho Quan A           | 5,0         |
| 2         | Hoàng Hà Tú Uyên        | 10N        | Nho Quan A           | 4,5         |
| 3         | Bùi Quách Hà Dương      | 10B        | Nho Quan A           | 5,0         |
| 4         | Nguyễn Bảo Lan          | 11E        | Nho Quan B           | 4,0         |
| 5         | Bùi Thị Huyền Trang     | 11E        | Nho Quan B           | 5,5         |
| 6         | Phạm Nguyễn Khải Nguyên | 10A1       | Nho Quan B           | 6,0         |
| 7         | Phạm Nguyễn Ngọc Ánh    | 11E        | Nho Quan B           | 6,0         |
| 8         | Phạm Bá Hiệp            | 10A5       | Nho Quan B           | 5,5         |
| 9         | Nguyễn Hiền Mai         | 11E        | Nho Quan B           | 6,0         |
| 10        | Hoàng Thị Trà My        | 11E        | Nho Quan B           | 6,0         |
| 11        | Nguyễn Thị Phương Ngân  | 11E        | Nho Quan B           | 4,0         |
| 12        | Bùi Thị Thảo Nguyên     | 11E        | Nho Quan B           | 4,0         |
| 13        | Vũ Thành Hưng           | 10A3       | Nho Quan B           | 6,0         |
| 14        | Nguyễn Thị Thu Hương    | 11A        | Nho Quan C           | 3,0         |
| 15        | Trần Tâm Anh            | 10A        | Nho Quan C           | 4,5         |
| 16        | Dương Mai Thương        | 10D        | Nho Quan C           | 5,0         |
| 17        | Quách Hà Giang          | 11D        | Nho Quan C           | 3,5         |
| 18        | Phạm Hoàng Vi           | 10D        | Nho Quan C           | 4,0         |
| 19        | Bùi Khánh Ly            | 10D        | Nho Quan C           | 5,0         |
| 20        | Trần Thị Lan Anh        | 10D        | Nho Quan C           | 3,0         |
| 21        | Bùi Bảo Linh            | 11D        | Nho Quan C           | 4,5         |
| 22        | Nguyễn Tiến Mạnh        | 11A        | Nho Quan C           | 4,0         |
| 23        | Ngô Thảo Uyên           | 10D        | Nho Quan C           | 4,0         |
| 24        | Nguyễn Đỗ Ngọc Linh     | 10A9       | Gia Viễn B           | 4,0         |
| 25        | Nguyễn Hương Giang      | 10A1       | Gia Viễn B           | 5,0         |
| 26        | Tạ Ngọc Hiệp            | 11A6       | Gia Viễn B           | 3,5         |
| 27        | Nguyễn Ngọc Tiến Mạnh   | 11A7       | Gia Viễn B           | 6,0         |
| 28        | Vũ Khánh Ngọc           | 10A9       | Gia Viễn B           | 3,0         |
| 29        | Vũ Nguyễn Thu Trang     | 10A1       | Gia Viễn B           | 3,5         |
| 30        | Vũ Thị Phương Duyên     | 11b4       | Gia Viễn C           | 5,5         |
| 31        | Đinh Thị Khánh Ly       | 10A3       | Hoa Lư A             | 5,0         |
| 32        | Đặng Nhật Minh          | 10A8       | Hoa Lư A             | 4,0         |
| 33        | Vũ Chi Mai              | 10 Anh 1   | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,5         |
| 34        | Phạm Ngọc Ngân Châm     | 10 Anh 2   | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0         |
| 35        | Nguyễn Ngọc Hà          | 10 Anh 1   | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5         |

|    |                        |          |                      |     |
|----|------------------------|----------|----------------------|-----|
| 36 | Nguyễn Ngọc Châu Giang | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 37 | Lê Thảo Hương          | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,0 |
| 38 | Đỗ Quyên               | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 39 | Phạm Đức Long          | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,0 |
| 40 | Đỗ Đăng Dương          | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,0 |
| 41 | Dương Đình Quang       | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,5 |
| 42 | Nguyễn Việt Phương     | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,5 |
| 43 | Đỗ Minh Hằng           | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 44 | Vũ Đình Minh Thiện     | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,0 |
| 45 | Trần Thu Hòa           | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 46 | Lã Hồng Hạnh           | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,0 |
| 47 | Hoàng Phương Chi       | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 7,0 |
| 48 | Vũ Quang Huy           | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 49 | Nguyễn Trần Phúc Khang | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,0 |
| 50 | Vũ Trần Khánh An       | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 51 | Trịnh Thị Hương Lan    | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,0 |
| 52 | Phạm Mai Anh           | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 53 | Nguyễn Thanh Thuý      | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 54 | Mai Hiền Trang         | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 55 | Đỗ Thị Quỳnh Trang     | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 4,5 |
| 56 | Trần Phương Mai        | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 57 | Nguyễn Lê Minh Khanh   | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 58 | Ngô Tuấn Minh          | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 59 | Trần Ngọc Khánh Thu    | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 60 | Nguyễn Phương Linh     | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 61 | Nguyễn Hạnh Nguyên     | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 62 | Nguyễn Ngọc Ánh        | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 63 | Phạm Nguyên Giáp       | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,0 |
| 64 | Nguyễn Mai Diễm        | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 65 | Nguyễn Thị Bảo Yến     | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 66 | Nguyễn Thị Hương Giang | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,0 |
| 67 | Phạm Hà Phương Linh    | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,5 |
| 68 | Phạm Thị Phương Thảo   | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 69 | Phạm Thị Hương Giang   | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,5 |
| 70 | Nguyễn Phú Lộc         | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 71 | Nguyễn Mai Phương      | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,5 |
| 72 | Phùng Thị Phương Anh   | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 73 | Phạm Thanh Thảo        | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 74 | Phạm Quỳnh Chi         | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,0 |

|     |                     |          |                      |     |
|-----|---------------------|----------|----------------------|-----|
| 75  | Phạm Thanh Huyền    | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 76  | Đinh Thùy Linh      | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 77  | Nguyễn Hương Giang  | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 78  | Nguyễn Hà Mai Anh   | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 79  | Tổng Thu Hằng       | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 80  | Đặng Bảo Trâm       | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 81  | Trần Ngô Thanh Nga  | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 82  | Trịnh Tuệ Bình      | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,0 |
| 83  | Đặng Khánh Chi      | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 84  | Vũ Thị Việt Hà      | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 85  | Đặng Hoàng Hải      | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 86  | An Ngân Hà          | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 87  | Nguyễn Mai Bình     | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 88  | Trịnh Minh Châu     | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 89  | Đào Minh Nguyệt     | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 90  | Đinh Mai Phương     | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 91  | Nguyễn Thị Khánh Ly | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 92  | Tổng Mai Anh        | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 93  | Đinh Thu Phương     | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 94  | Nguyễn Thiện Bảo    | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 95  | Phạm Ngọc My        | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 96  | Tô Phương Anh       | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 97  | Phạm Mai Anh        | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 98  | Đào Minh Nguyệt     | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,0 |
| 99  | Trần Hoàng Khánh Ly | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,0 |
| 100 | Vũ Hằng Giang       | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 7,0 |
| 101 | Đinh Mai Phương     | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 102 | Phạm Vũ Hồng Minh   | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 103 | Nguyễn Cẩm Linh     | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 104 | Đoàn Phan Hải Long  | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 105 | Nguyễn Quỳnh Hương  | 10A6     | Đinh Tiên Hoàng      | 3,0 |
| 106 | Đinh Hiếu Thuận     | 10A7     | Đinh Tiên Hoàng      | 4,5 |
| 107 | Trần Minh Quân      | 11A9     | Đinh Tiên Hoàng      | 3,0 |
| 108 | Nguyễn Hà Anh       | 11A11    | Đinh Tiên Hoàng      | 5,0 |
| 109 | Đỗ Ngân Hà          | 11A11    | Đinh Tiên Hoàng      | 6,0 |
| 110 | Tổng Minh Cường     | 11A9     | Đinh Tiên Hoàng      | 6,0 |
| 111 | Vũ Hà Bảo Trân      | 11A5     | Đinh Tiên Hoàng      | 7,0 |
| 112 | Phạm Lan Hương      | 10A6     | Đinh Tiên Hoàng      | 3,0 |
| 113 | Nguyễn Đức Hùng     | 11A9     | Đinh Tiên Hoàng      | 6,5 |

|     |                       |       |                 |     |
|-----|-----------------------|-------|-----------------|-----|
| 114 | Nguyễn Thị Hà Phương  | 10A5  | Đình Tiên Hoàng | 3,0 |
| 115 | Nguyễn Mai An         | 10A6  | Đình Tiên Hoàng | 6,0 |
| 116 | Nguyễn Phương Tuệ Chi | 10A5  | Đình Tiên Hoàng | 4,0 |
| 117 | Nguyễn Như Quỳnh      | 11A11 | Đình Tiên Hoàng | 6,5 |
| 118 | Nguyễn Hoàng Anh      | 11A9  | Đình Tiên Hoàng | 4,0 |
| 119 | Phạm Khánh Linh       | 10A6  | Đình Tiên Hoàng | 3,0 |
| 120 | Đào Phương Anh        | 11A9  | Đình Tiên Hoàng | 6,0 |
| 121 | Quách Phương Thảo     | 10A5  | Đình Tiên Hoàng | 5,5 |
| 122 | Trịnh Quốc Đại        | 11A9  | Đình Tiên Hoàng | 6,0 |
| 123 | Đình Thị Tâm Anh      | 10A5  | Đình Tiên Hoàng | 5,5 |
| 124 | Trương Thành Trung    | 11A9  | Đình Tiên Hoàng | 5,5 |
| 125 | Nguyễn Duy Thịnh      | 10A7  | Đình Tiên Hoàng | 5,5 |
| 126 | Nguyễn Tân Ngọc       | 11A9  | Đình Tiên Hoàng | 4,5 |
| 127 | Phạm Kiều Trang       | 11A9  | Đình Tiên Hoàng | 5,5 |
| 128 | Vũ Đăng Tú            | 10A6  | Đình Tiên Hoàng | 4,5 |
| 129 | Vũ Nguyễn Nguyên Anh  | 10A6  | Đình Tiên Hoàng | 4,0 |
| 130 | Đỗ Thị Hải Yến        | 11A9  | Đình Tiên Hoàng | 5,0 |
| 131 | Phạm Yến Chi          | 10A6  | Đình Tiên Hoàng | 3,0 |
| 132 | Vũ Mai Chi            | 10B4  | Trần Hưng Đạo   | 3,5 |
| 133 | Nguyễn Vũ Hạnh Nguyên | 11B5  | Trần Hưng Đạo   | 5,0 |
| 134 | Lê Diệp Khuê          | 10B4  | Trần Hưng Đạo   | 3,0 |
| 135 | Lê Ngọc Khánh         | 10B4  | Trần Hưng Đạo   | 3,5 |
| 136 | Nguyễn Thị Thanh Ngân | 11B5  | Trần Hưng Đạo   | 4,0 |
| 137 | Nguyễn Thị Thanh Chúc | 11B1  | Trần Hưng Đạo   | 3,0 |
| 138 | Nguyễn Thị Thanh Vân  | 10B4  | Trần Hưng Đạo   | 3,0 |
| 139 | Đỗ Phạm Hương Thảo    | 11B5  | Trần Hưng Đạo   | 3,5 |
| 140 | Phan Hoàng Hà         | 11B1  | Trần Hưng Đạo   | 4,0 |
| 141 | Lưu Thị Phi Yến       | 11B5  | Trần Hưng Đạo   | 6,0 |
| 142 | Nguyễn Thị Ngọc Anh   | 11A   | Nguyễn Công Trứ | 4,0 |
| 143 | Nguyễn Hoàng Thúc Kha | 11A   | Nguyễn Công Trứ | 2,5 |
| 144 | Phạm Nhật Minh        | 11A   | Nguyễn Công Trứ | 2,0 |
| 145 | Nguyễn Phú Trung      | 10A1  | Nguyễn Công Trứ | 2,0 |
| 146 | Vũ Tiến Thành         | 10b   | THSP Tràng An   | 4,0 |
| 147 | Trần Đức Anh          | 12A   | THSP Tràng An   | 4,5 |
| 148 | Nguyễn Hà Phương      | 11A   | THSP Tràng An   | 5,5 |
| 149 | Đình Việt Hùng        | 11A   | THSP Tràng An   | 5,0 |
| 150 | Trần Việt Khánh       | 11A   | THSP Tràng An   | 6,0 |
| 151 | Nguyễn Mạnh Kiên      | 11A   | THSP Tràng An   | 4,5 |
| 152 | Nguyễn Phương Linh    | 12A   | THSP Tràng An   | 6,0 |

|     |                       |       |               |     |
|-----|-----------------------|-------|---------------|-----|
| 153 | Vũ Phương Mai         | 12A   | THSP Tràng An | 5,5 |
| 154 | Ngô Thanh Sang        | 12A   | THSP Tràng An | 4,0 |
| 155 | Tô Tuấn Kiệt          | 12A   | THSP Tràng An | 5,0 |
| 156 | Phạm Đức Minh         | 12A   | THSP Tràng An | 4,5 |
| 157 | Nguyễn Việt Hùng      | 11D   | Yên Khánh A   | 4,0 |
| 158 | Phạm Thị Bảo Trâm     | 10A10 | Yên Khánh A   | 5,0 |
| 159 | Phạm Tuấn Đạt         | 11A   | Yên Khánh A   | 5,0 |
| 160 | Phạm Tiến Thành       | 10A8  | Yên Khánh A   | 4,5 |
| 161 | Hoàng Thị Yến Nhi     | 10A8  | Yên Khánh A   | 3,0 |
| 162 | Lã Văn Hiệp           | 11M   | Yên Khánh A   | 5,5 |
| 163 | Phạm Hoàng Gia Huệ    | 10A1  | Yên Khánh A   | 5,0 |
| 164 | Phạm Khánh Linh       | 10A10 | Yên Khánh A   | 4,0 |
| 165 | Lê Thị Hồng Nhung     | 11A   | Yên Khánh A   | 5,0 |
| 166 | Phạm Hải Đăng         | 11D   | Yên Khánh A   | 4,0 |
| 167 | Bùi Hương Ly          | 11M   | Yên Khánh A   | 6,0 |
| 168 | Lê Thành Văn          | 11D   | Yên Khánh A   | 4,0 |
| 169 | Nguyễn Minh Trang     | 11D   | Yên Khánh A   | 6,0 |
| 170 | Tạ Thị Hằng           | 11B10 | Yên Khánh B   | 4,5 |
| 171 | Phạm Phương Linh      | 10M   | Yên Khánh B   | 3,0 |
| 172 | Vũ Minh Thư           | 11B1  | Yên Khánh B   | 3,0 |
| 173 | Đặng Tuấn Dũng        | 10A   | Yên Khánh B   | 5,0 |
| 174 | Bùi Diệp Anh          | 10M   | Yên Khánh B   | 2,0 |
| 175 | Đình Như Quỳnh        | 11B1  | Yên Khánh B   | 3,0 |
| 176 | Đỗ Thị Bích Ngọc      | 10M   | Yên Khánh B   | 2,0 |
| 177 | Nguyễn Thùy Dung      | 11B10 | Yên Khánh B   | 5,5 |
| 178 | Đoàn Minh Khuê        | 10M   | Yên Khánh B   | 5,0 |
| 179 | Nguyễn Diệu Linh      | 10M   | Yên Khánh B   | 2,5 |
| 180 | Hà Nhật Hà            | 11B1  | Yên Khánh B   | 4,5 |
| 181 | Hà Hạnh Quyên         | 11B10 | Yên Khánh B   | 3,0 |
| 182 | Trịnh Thảo Nguyên     | 10M   | Yên Khánh B   | 2,0 |
| 183 | Tạ Nhật Linh          | 11b1  | Yên Khánh B   | 4,0 |
| 184 | Lại Thanh Tùng        | 10B   | Vũ Duy Thanh  | 5,0 |
| 185 | Đỗ Phạm Phương Thảo   | 10B11 | Kim Sơn A     | 4,5 |
| 186 | Phạm Tiến Đạt         | 10B1  | Kim Sơn A     | 5,5 |
| 187 | Hoàng Hạnh Sơn Trà    | 10B1  | Kim Sơn A     | 4,0 |
| 188 | Nguyễn Xuân Mai       | 11b1  | Kim Sơn A     | 4,5 |
| 189 | Nguyễn Thị Bích Thủy  | 10B1  | Kim Sơn A     | 5,0 |
| 190 | Đỗ Hoàng Linh         | 10B1  | Kim Sơn A     | 3,5 |
| 191 | Trần Nguyễn Gia Khánh | 10B1  | Kim Sơn A     | 6,0 |

|     |                        |       |           |     |
|-----|------------------------|-------|-----------|-----|
| 192 | Ngô Hà Phương          | 11B1  | Kim Sơn A | 6,5 |
| 193 | Nguyễn Thị Hà Linh     | 10B11 | Kim Sơn A | 6,0 |
| 194 | Đoàn Đăng Học          | 10B1  | Kim Sơn A | 3,0 |
| 195 | Vũ Thị Thu Trang       | 10B11 | Kim Sơn A | 5,0 |
| 196 | Nguyễn Ngọc Linh       | 10B1  | Kim Sơn A | 6,0 |
| 197 | Nguyễn Vũ Việt Khánh   | 10B1  | Kim Sơn A | 3,5 |
| 198 | Lê Anh Thư             | 10B11 | Kim Sơn A | 4,0 |
| 199 | Lê Ngọc Hiếu           | 11B5  | Kim Sơn A | 5,5 |
| 200 | Mai Quỳnh Anh          | 10B1  | Kim Sơn A | 4,5 |
| 201 | Nguyễn Vy Nhung        | 10B11 | Kim Sơn A | 6,0 |
| 202 | Phạm Minh Anh          | 11B11 | Kim Sơn A | 4,0 |
| 203 | Nguyễn Thị Trà My      | 10B1  | Kim Sơn A | 4,5 |
| 204 | Nguyễn Thùy Dung       | 10B1  | Kim Sơn A | 4,0 |
| 205 | Nguyễn Thái An         | 10B1  | Kim Sơn A | 7,0 |
| 206 | Trần Thị Yến Nhi       | 10B1  | Kim Sơn A | 3,0 |
| 207 | Bùi Minh Đức           | 11B5  | Kim Sơn A | 4,0 |
| 208 | Hoàng Trần Minh Nguyệt | 10B1  | Kim Sơn A | 4,5 |
| 209 | Phạm Thị Thu Trang     | 10B11 | Kim Sơn A | 4,0 |
| 210 | Phan Trần Phương Uyên  | 10B11 | Kim Sơn A | 4,0 |
| 211 | Trần Thị Mai Phương    | 10B11 | Kim Sơn A | 4,0 |
| 212 | Đào Phương Thảo        | 10B11 | Kim Sơn A | 5,0 |
| 213 | Trần Phương Thảo       | 10B11 | Kim Sơn A | 4,0 |
| 214 | Phạm Yến Ngọc          | 10B11 | Kim Sơn A | 6,0 |
| 215 | Ngô Thị Huyền Trang    | 10B1  | Kim Sơn A | 3,5 |
| 216 | Đỗ Thị Thu Hằng        | 10B1  | Kim Sơn A | 4,0 |
| 217 | Nguyễn Hà Oanh         | 10B1  | Kim Sơn A | 6,0 |
| 218 | Vũ Đỗ Minh Thảo        | 10B1  | Kim Sơn A | 6,0 |
| 219 | Vũ Anh Dũng            | 10B3  | Kim Sơn A | 4,5 |
| 220 | Vũ Đức Minh            | 10B1  | Kim Sơn A | 3,5 |
| 221 | Nguyễn Nhật Long Vũ    | 10B11 | Kim Sơn A | 5,0 |
| 222 | Vũ Trần Anh Thư        | 10b11 | Kim Sơn A | 3,0 |
| 223 | Phạm Duy Tùng          | 10B11 | Kim Sơn A | 4,5 |
| 224 | Nguyễn Thị Yến Nhi     | 10B11 | Kim Sơn A | 4,5 |
| 225 | Nguyễn Thị Hoài Linh   | 10B11 | Kim Sơn A | 6,5 |
| 226 | Trần Minh Quân         | 10B1  | Kim Sơn A | 6,5 |
| 227 | Trần Thị Mai Hương     | 10B11 | Kim Sơn A | 4,5 |
| 228 | Đào Khánh Huyền        | 10A1  | Kim Sơn B | 2,0 |
| 229 | Tạ Ngọc Cường          | 11A1  | Kim Sơn B | 4,5 |
| 230 | Bùi Minh Ngọc          | 10A1  | Kim Sơn B | 2,5 |

|     |                       |      |            |     |
|-----|-----------------------|------|------------|-----|
| 231 | Trần Thế Võ           | 10A1 | Kim Sơn B  | 4,5 |
| 232 | Đoàn Thị Ngọc Lan     | 10G  | Bình Minh  | 4,5 |
| 233 | Đỗ Thảo Vy            | 11A  | Bình Minh  | 5,5 |
| 234 | Hà Vũ Thanh Mai       | 11A  | Bình Minh  | 4,5 |
| 235 | Phạm Văn Thư          | 11D  | Bình Minh  | 4,0 |
| 236 | Phạm Thị Huyền Trang  | 11D  | Bình Minh  | 4,5 |
| 237 | Phạm Hà Vy            | 11A  | Bình Minh  | 6,0 |
| 238 | Nguyễn Minh Phúc      | 11D  | Bình Minh  | 4,5 |
| 239 | Trần Thị Phương Mai   | 11A  | Bình Minh  | 6,0 |
| 240 | Trần Minh Thống       | 11D  | Bình Minh  | 4,5 |
| 241 | Dương Trí Thanh       | 11D  | Bình Minh  | 4,5 |
| 242 | Bùi Thiên Hải         | 10B  | Yên Mô A   | 6,0 |
| 243 | Đỗ Tạ Nhân            | 10A  | Yên Mô A   | 5,0 |
| 244 | Lê Hương Giang        | 10E  | Yên Mô A   | 3,5 |
| 245 | Lã Thị Thịnh          | 10E  | Yên Mô A   | 2,5 |
| 246 | Lê Thị Thùy Trang     | 11A  | Yên Mô A   | 2,0 |
| 247 | Trịnh Thảo Nguyên     | 10D  | Yên Mô A   | 5,5 |
| 248 | Vũ Mai Trang          | 11A  | Yên Mô A   | 5,5 |
| 249 | Nguyễn Song Hà Vy     | 10E  | Yên Mô A   | 2,0 |
| 250 | Vũ Phương Nhung       | 11A  | Yên Mô A   | 5,5 |
| 251 | Phạm Tiến Thành       | 10A  | Yên Mô A   | 5,5 |
| 252 | Vũ Thị Phương Thảo    | 10E  | Yên Mô A   | 5,0 |
| 253 | Hoàng Đỗ Linh Chi     | 10E  | Yên Mô A   | 4,0 |
| 254 | Vũ Nguyễn Hương Giang | 10A6 | Yên Mô B   | 4,0 |
| 255 | Phạm Hiền Mai         | 11A4 | Yên Mô B   | 6,0 |
| 256 | Bùi Nguyễn Bảo Yến    | 11A4 | Yên Mô B   | 5,5 |
| 257 | Phạm Như Quỳnh        | 10A7 | Yên Mô B   | 3,0 |
| 258 | Đoàn Thị Tâm Ngân     | 11A4 | Yên Mô B   | 4,0 |
| 259 | Tổng Thành Đạt        | 10A1 | Yên Mô B   | 2,0 |
| 260 | Nguyễn Thị Quỳnh Như  | 10A1 | Yên Mô B   | 5,5 |
| 261 | Lê Vũ Nguyệt Minh     | 10A1 | Yên Mô B   | 5,0 |
| 262 | Lê Vũ Nguyệt Minh     | 10A1 | Yên Mô B   | 5,0 |
| 263 | Phạm Thị Ngọc Ánh     | 11G  | Nguyễn Huệ | 5,0 |
| 264 | Vũ Duy Quang          | 11A  | Nguyễn Huệ | 6,0 |
| 265 | Dương Quốc Đạt        | 11A  | Nguyễn Huệ | 5,5 |
| 266 | Bùi Hồng Liên         | 11A  | Nguyễn Huệ | 4,5 |
| 267 | Đặng Hoài Thương      | 11A  | Nguyễn Huệ | 4,5 |
| 272 | Đào Thị Thủy Dung     | 11G  | Nguyễn Huệ | 6,5 |
| 273 | Lục Điệp Phúc         | 11G  | Nguyễn Huệ | 5,0 |

|     |                       |     |            |     |
|-----|-----------------------|-----|------------|-----|
| 274 | Đinh Phương Hà        | 11A | Nguyễn Huệ | 4,5 |
| 275 | Nguyễn Hạnh Dung      | 11G | Nguyễn Huệ | 7,0 |
| 276 | Đặng Trần Khánh Huyền | 11G | Nguyễn Huệ | 6,0 |
| 277 | Nguyễn Diệu Linh      | 11A | Nguyễn Huệ | 6,0 |
| 278 | Lã Ngọc Kim Khánh     | 11G | Nguyễn Huệ | 5,5 |
| 279 | Lưu Ngân Giang        | 11G | Nguyễn Huệ | 7,0 |
| 280 | Vũ Mai Hương          | 11G | Nguyễn Huệ | 6,5 |
| 281 | Mai Thủy Trang        | 11A | Nguyễn Huệ | 3,5 |
| 282 | Lâm Quốc Dũng         | 11A | Nguyễn Huệ | 6,0 |
| 283 | Nguyễn Minh Phương    | 11G | Nguyễn Huệ | 3,0 |
| 284 | Tạ Phương Trang       | 11A | Nguyễn Huệ | 2,5 |
| 285 | Nguyễn Thanh Bình     | 11H | Nguyễn Huệ | 6,0 |
| 286 | Đoàn Thư Trang        | 11A | Nguyễn Huệ | 4,5 |
| 287 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | 11G | Nguyễn Huệ | 4,5 |
| 288 | Vũ Phương Thảo        | 11A | Nguyễn Huệ | 6,5 |
| 289 | Nguyễn Hoàng Ngân     | 11G | Nguyễn Huệ | 6,5 |
| 290 | Trần Thị Ngọc Minh    | 11G | Nguyễn Huệ | 4,5 |
| 291 | Vũ Ngọc Linh          | 11G | Nguyễn Huệ | 5,0 |
| 292 | Nguyễn Ngọc Yến Nhi   | 11A | Nguyễn Huệ | 5,0 |

*(Danh sách gồm 292 học sinh, 20 trường)*

**DANH SÁCH HỌC SINH DỰ THI BÁN KẾT  
OMLYPIC "CHINH PHỤC IELTS" NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Thông báo số /TB-SGDĐT ngày /3/2023 của Sở GDĐT)

| <b>TT</b> | <b>Họ và tên</b>        | <b>Lớp</b> | <b>Trường THPT</b>   | <b>Điểm</b> |
|-----------|-------------------------|------------|----------------------|-------------|
| 1         | Hoàng Phương Chi        | 10 Anh 2   | Chuyên Lương Văn Tụy | 7,0         |
| 2         | Vũ Hằng Giang           | 10 Anh 1   | Chuyên Lương Văn Tụy | 7,0         |
| 3         | Vũ Hà Bảo Trân          | 11A5       | Đình Tiên Hoàng      | 7,0         |
| 4         | Nguyễn Thái An          | 10B1       | Kim Sơn A            | 7,0         |
| 5         | Nguyễn Hạnh Dung        | 11G        | Nguyễn Huệ           | 7,0         |
| 6         | Lưu Ngân Giang          | 11G        | Nguyễn Huệ           | 7,0         |
| 7         | Vũ Chi Mai              | 10 Anh 1   | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,5         |
| 8         | Dương Đình Quang        | 10 Anh 1   | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,5         |
| 9         | Nguyễn Việt Phương      | 10 Anh 2   | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,5         |
| 10        | Phạm Hà Phương Linh     | 10 Anh 1   | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,5         |
| 11        | Phạm Thị Hương Giang    | 10 Anh 1   | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,5         |
| 12        | Nguyễn Mai Phương       | 10 Anh 1   | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,5         |
| 13        | Nguyễn Đức Hùng         | 11A9       | Đình Tiên Hoàng      | 6,5         |
| 14        | Nguyễn Như Quỳnh        | 11A11      | Đình Tiên Hoàng      | 6,5         |
| 15        | Ngô Hà Phương           | 11B1       | Kim Sơn A            | 6,5         |
| 16        | Nguyễn Thị Hoài Linh    | 10B11      | Kim Sơn A            | 6,5         |
| 17        | Trần Minh Quân          | 10B1       | Kim Sơn A            | 6,5         |
| 18        | Đào Thị Thuỳ Dung       | 11G        | Nguyễn Huệ           | 6,5         |
| 19        | Vũ Mai Hương            | 11G        | Nguyễn Huệ           | 6,5         |
| 20        | Vũ Phương Thảo          | 11A        | Nguyễn Huệ           | 6,5         |
| 21        | Nguyễn Hoàng Ngân       | 11G        | Nguyễn Huệ           | 6,5         |
| 22        | Phạm Nguyễn Khải Nguyên | 10A1       | Nho Quan B           | 6,0         |
| 23        | Phạm Nguyễn Ngọc Ánh    | 11E        | Nho Quan B           | 6,0         |
| 24        | Nguyễn Hiền Mai         | 11E        | Nho Quan B           | 6,0         |
| 25        | Hoàng Thị Trà My        | 11E        | Nho Quan B           | 6,0         |
| 26        | Vũ Thành Hưng           | 10A3       | Nho Quan B           | 6,0         |
| 27        | Nguyễn Ngọc Tiến Mạnh   | 11A7       | Gia Viễn B           | 6,0         |
| 28        | Phạm Ngọc Ngân Châm     | 10 Anh 2   | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0         |
| 29        | Nguyễn Ngọc Châu Giang  | 10 Anh 1   | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0         |
| 30        | Đỗ Quyên                | 10 Anh 2   | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0         |
| 31        | Vũ Quang Huy            | 10 Anh 1   | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0         |
| 32        | Vũ Trần Khánh An        | 10 Anh 2   | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0         |
| 33        | Nguyễn Thanh Thuý       | 10 Anh 1   | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0         |
| 34        | Trần Phương Mai         | 10 Anh 1   | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0         |
| 35        | Ngô Tuấn Minh           | 10 Anh 1   | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0         |

|    |                       |          |                      |     |
|----|-----------------------|----------|----------------------|-----|
| 36 | Phạm Thanh Thảo       | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 37 | Đinh Thùy Linh        | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 38 | Nguyễn Hương Giang    | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 39 | Nguyễn Hà Mai Anh     | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 40 | Tổng Thu Hằng         | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 41 | Đặng Bảo Trâm         | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 42 | Đặng Hoàng Hải        | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 43 | Nguyễn Mai Bình       | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 44 | Đinh Mai Phương       | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 45 | Tổng Mai Anh          | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 46 | Đinh Mai Phương       | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 47 | Nguyễn Cẩm Linh       | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 6,0 |
| 48 | Đỗ Ngân Hà            | 11A11    | Đinh Tiên Hoàng      | 6,0 |
| 49 | Tổng Minh Cường       | 11A9     | Đinh Tiên Hoàng      | 6,0 |
| 50 | Nguyễn Mai An         | 10A6     | Đinh Tiên Hoàng      | 6,0 |
| 51 | Đào Phương Anh        | 11A9     | Đinh Tiên Hoàng      | 6,0 |
| 52 | Trịnh Quốc Đại        | 11A9     | Đinh Tiên Hoàng      | 6,0 |
| 53 | Lưu Thị Phi Yên       | 11B5     | Trần Hưng Đạo        | 6,0 |
| 54 | Trần Việt Khánh       | 11A      | THSP Tràng An        | 6,0 |
| 55 | Nguyễn Phương Linh    | 12A      | THSP Tràng An        | 6,0 |
| 56 | Bùi Hương Ly          | 11M      | Yên Khánh A          | 6,0 |
| 57 | Nguyễn Minh Trang     | 11D      | Yên Khánh A          | 6,0 |
| 58 | Trần Nguyễn Gia Khánh | 10B1     | Kim Sơn A            | 6,0 |
| 59 | Nguyễn Thị Hà Linh    | 10B11    | Kim Sơn A            | 6,0 |
| 60 | Nguyễn Ngọc Linh      | 10B1     | Kim Sơn A            | 6,0 |
| 61 | Nguyễn Vy Nhung       | 10B11    | Kim Sơn A            | 6,0 |
| 62 | Phạm Yên Ngọc         | 10B11    | Kim Sơn A            | 6,0 |
| 63 | Nguyễn Hà Oanh        | 10B1     | Kim Sơn A            | 6,0 |
| 64 | Vũ Đỗ Minh Thảo       | 10B1     | Kim Sơn A            | 6,0 |
| 65 | Phạm Hà Vy            | 11A      | Bình Minh            | 6,0 |
| 66 | Trần Thị Phương Mai   | 11A      | Bình Minh            | 6,0 |
| 67 | Bùi Thiên Hải         | 10B      | Yên Mô A             | 6,0 |
| 68 | Phạm Hiền Mai         | 11A4     | Yên Mô B             | 6,0 |
| 69 | Vũ Duy Quang          | 11A      | Nguyễn Huệ           | 6,0 |
| 70 | Đặng Trần Khánh Huyền | 11G      | Nguyễn Huệ           | 6,0 |
| 71 | Nguyễn Diệu Linh      | 11A      | Nguyễn Huệ           | 6,0 |
| 72 | Lâm Quốc Dũng         | 11A      | Nguyễn Huệ           | 6,0 |
| 73 | Nguyễn Thanh Bình     | 11H      | Nguyễn Huệ           | 6,0 |
| 74 | Bùi Thị Huyền Trang   | 11E      | Nho Quan B           | 5,5 |

|     |                      |          |                      |     |
|-----|----------------------|----------|----------------------|-----|
| 75  | Phạm Bá Hiệp         | 10A5     | Nho Quan B           | 5,5 |
| 76  | Vũ Thị Phương Duyên  | 11B4     | Gia Viễn C           | 5,5 |
| 77  | Nguyễn Ngọc Hà       | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 78  | Đỗ Minh Hằng         | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 79  | Trần Thu Hòa         | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 80  | Phạm Mai Anh         | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 81  | Mai Hiền Trang       | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 82  | Nguyễn Lê Minh Khanh | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 83  | Trần Ngọc Khánh Thu  | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 84  | Nguyễn Phương Linh   | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 85  | Nguyễn Hạnh Nguyên   | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 86  | Nguyễn Ngọc Ánh      | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 87  | Nguyễn Thị Bảo Yến   | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 88  | Phạm Thị Phương Thảo | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 89  | Nguyễn Phú Lộc       | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 90  | Phùng Thị Phương Anh | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 91  | Phạm Thanh Huyền     | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 92  | Trần Ngô Thanh Nga   | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 93  | Đặng Khánh Chi       | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 94  | Vũ Thị Việt Hà       | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 95  | An Ngân Hà           | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 96  | Trịnh Minh Châu      | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 97  | Đào Minh Nguyệt      | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 98  | Nguyễn Thị Khánh Ly  | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 99  | Đinh Thu Phương      | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 100 | Nguyễn Thiện Bảo     | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 101 | Phạm Ngọc My         | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 102 | Tô Phương Anh        | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 103 | Phạm Mai Anh         | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 104 | Phạm Vũ Hồng Minh    | 10 Anh 2 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 105 | Đoàn Phan Hải Long   | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 106 | Nguyễn Mai Diễm      | 10 Anh 1 | Chuyên Lương Văn Tụy | 5,5 |
| 107 | Quách Phương Thảo    | 10A5     | Đình Tiên Hoàng      | 5,5 |
| 108 | Đinh Thị Tâm Anh     | 10A5     | Đình Tiên Hoàng      | 5,5 |
| 109 | Trương Thành Trung   | 11A9     | Đình Tiên Hoàng      | 5,5 |
| 110 | Nguyễn Duy Thịnh     | 10A7     | Đình Tiên Hoàng      | 5,5 |
| 111 | Phạm Kiều Trang      | 11A9     | Đình Tiên Hoàng      | 5,5 |
| 112 | Nguyễn Hà Phương     | 11A      | THSP Tràng An        | 5,5 |
| 113 | Vũ Phương Mai        | 12A      | THSP Tràng An        | 5,5 |

|     |                       |       |                 |     |
|-----|-----------------------|-------|-----------------|-----|
| 114 | Lã Văn Hiệp           | 11M   | Yên Khánh A     | 5,5 |
| 115 | Nguyễn Thùy Dung      | 11B10 | Yên Khánh B     | 5,5 |
| 116 | Phạm Tiến Đạt         | 10B1  | Kim Sơn A       | 5,5 |
| 117 | Lê Ngọc Hiếu          | 11B5  | Kim Sơn A       | 5,5 |
| 118 | Đỗ Thảo Vy            | 11A   | Bình Minh       | 5,5 |
| 119 | Trịnh Thảo Nguyên     | 10D   | Yên Mô A        | 5,5 |
| 120 | Vũ Mai Trang          | 11A   | Yên Mô A        | 5,5 |
| 121 | Phạm Tiến Thành       | 10A   | Yên Mô A        | 5,5 |
| 122 | Vũ Phương Nhung       | 11A   | Yên Mô A        | 5,5 |
| 123 | Bùi Nguyễn Bảo Yến    | 11A4  | Yên Mô B        | 5,5 |
| 124 | Nguyễn Thị Quỳnh Như  | 10A1  | Yên Mô B        | 5,5 |
| 125 | Dương Quốc Đạt        | 11A   | Nguyễn Huệ      | 5,5 |
| 126 | Lã Ngọc Kim Khánh     | 11G   | Nguyễn Huệ      | 5,5 |
| 127 | Đào Khánh Ly          | 10N   | Nho Quan A      | 5,0 |
| 128 | Bùi Quách Hà Dương    | 10B   | Nho Quan A      | 5,0 |
| 129 | Dương Mai Thương      | 10D   | Nho Quan C      | 5,0 |
| 130 | Bùi Khánh Ly          | 10D   | Nho Quan C      | 5,0 |
| 131 | Nguyễn Hương Giang    | 10A1  | Gia Viễn B      | 5,0 |
| 132 | Đinh Thị Khánh Ly     | 10A3  | Hoa Lư A        | 5,0 |
| 133 | Nguyễn Vũ Hạnh Nguyên | 11B5  | Trần Hưng Đạo   | 5,0 |
| 134 | Đặng Tuấn Dũng        | 10A   | Yên Khánh B     | 5,0 |
| 135 | Đoàn Minh Khuê        | 10M   | Yên Khánh B     | 5,0 |
| 136 | Lại Thanh Tùng        | 10B   | Vũ Duy Thanh    | 5,0 |
| 137 | Tạ Ngọc Cường         | 11A1  | Kim Sơn B       | 4,5 |
| 138 | Trần Thế Võ           | 10A1  | Kim Sơn B       | 4,5 |
| 139 | Nguyễn Thị Ngọc Anh   | 11A   | Nguyễn Công Trứ | 4,0 |

(Danh sách gồm 139 học sinh, 20 trường)